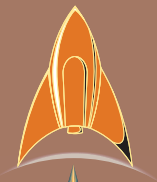




PHÂN BÓN CÀ MAU®
HẠT NGỌC MÙA VÀNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

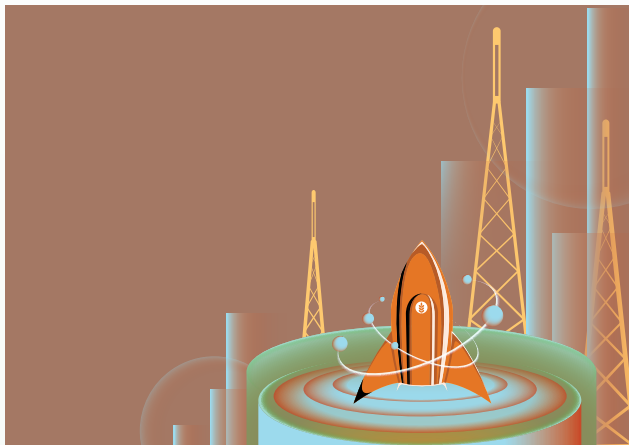
Nền tảng vững bền
KHÁT VỌNG LỚN MẠNH!
NHANH HƠN, HIỆU QUẢ HƠN!

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

- 6 Thông điệp của Ban Lãnh đạo Công ty
- 10 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 12 Điểm nhấn đầu tư

01 - TỔNG QUAN VỀ PVCFC



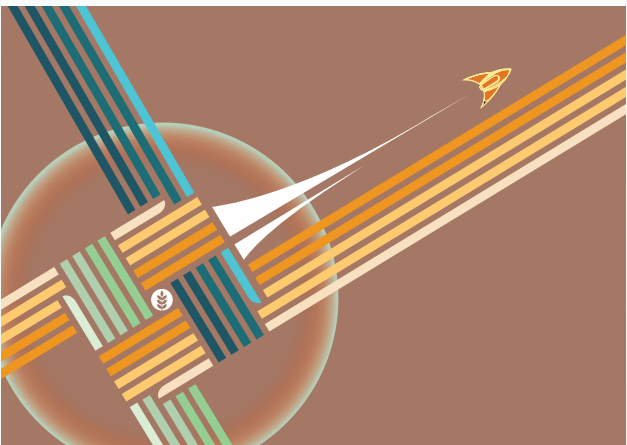
- 18 Kết quả nổi bật năm 2024
- 20 Thông tin chung về Công ty
- 22 Quá trình hình thành và phát triển
- 28 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 34 Sản phẩm kinh doanh
- 42 Tóm tắt thông tin tài chính 5 năm giai đoạn 2020 – 2024
- 44 10 sự kiện nổi bật năm 2024
- 56 Danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu
- 62 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý Công ty
- 68 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 72 Giới thiệu Ban Điều hành
- 76 Giới thiệu Ban Kiểm soát

02 - CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



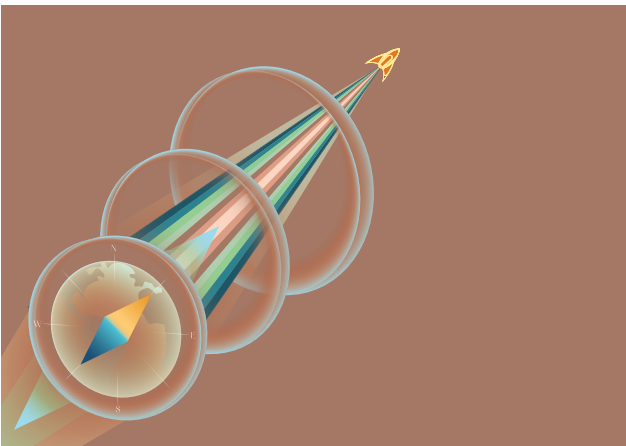
- 80 Tổng quan ngành Phân bón năm 2024
- 94 Triển vọng thị trường phân bón năm 2025
- 98 Phân tích SWOT
- 102 Chuỗi giá trị bền vững PVCFC
- 104 Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030

03 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



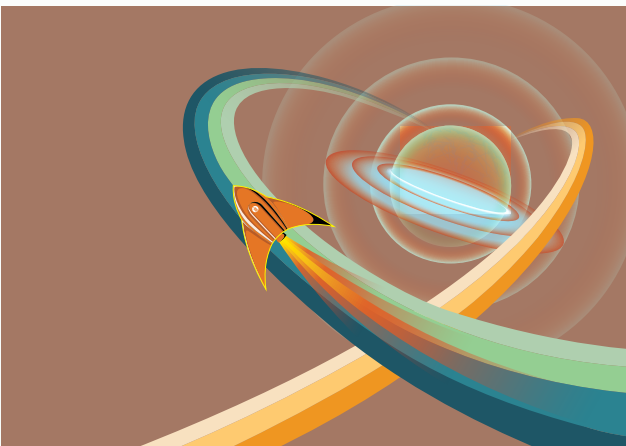
- 110 Tình hình hoạt động SXKD trong năm 2024
- 119 Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 124 Tổ chức và nhân sự
- 136 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 138 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 160 Đánh giá của Hội đồng Quản trị

04 - QUẢN TRỊ CÔNG TY



- 168 Quản trị công ty
- 169 Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông
- 171 Cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 214 Cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát
- 228 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS
- 232 Quản trị rủi ro
- 242 Các hoạt động kiểm soát nội bộ tại PVCFC

05 - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

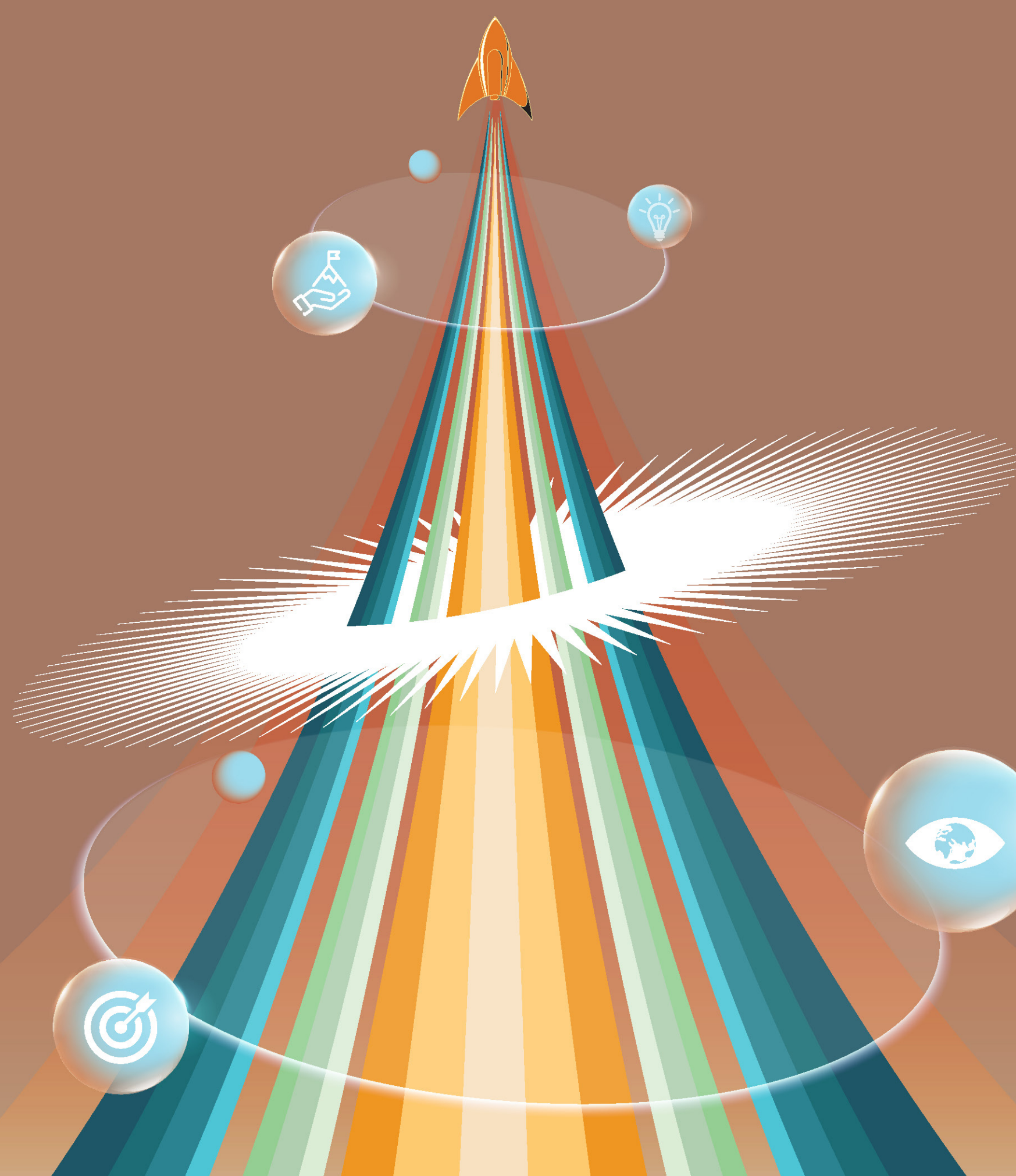


- 246 Các chỉ số phát triển bền vững nổi bật 2024
- 248 Tổng quan Báo cáo phát triển bền vững
- 250 Khung phát triển bền vững của PVCFC
- 268 Phát triển kinh tế bền vững
- 270 Trách nhiệm với môi trường
- 278 Đóng góp cho cộng đồng xã hội

06 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- 293 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 295 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 297 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 299 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 300 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 302 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Vượt lên thách thức

BÚT PHÁ GIỚI HẠN

02 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 80 Tổng quan ngành Phân bón năm 2024
- 94 Triển vọng thị trường phân bón năm 2025
- 98 Phân tích SWOT
- 102 Chuỗi Giá trị Bền vững PVCFC
- 104 Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030

TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

THỊ TRƯỜNG UREA THẾ GIỚI



~ **187** triệu tấn UREA
CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT NĂM 2024

Sản xuất: Sản xuất urea phụ thuộc nhiều vào giá khí tự nhiên, là nguyên liệu đầu vào chính cho quá trình sản xuất. Năm 2024, giá khí đốt tuy đã giảm so với thời kỳ trước dịch Covid-19 nhưng ở một số khu vực, đặc biệt ở châu Âu, giá khí đốt vẫn ở mức cao do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Nga - Ukraine vẫn tiếp diễn từ đầu năm 2022 đến nay và chưa có dấu hiệu kết thúc.

Các nước sản xuất urea lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và Trung Đông vẫn chiếm phần lớn thị phần toàn cầu. Năm 2024, ước tính các nhà máy sản xuất khoảng 187 triệu tấn urea, trong đó, nguồn cung chính tập trung ở các nước Ả rập Xê út, Qatar, Nga, Trung Quốc và Ấn Độ.

Tiêu thụ: Tiêu thụ urea cao trên danh nghĩa nhưng có xu hướng tăng trưởng chậm lại do giá cả cao và sự chuyển đổi sang các loại phân bón có hiệu quả cao hơn về mặt môi trường. Các nước tiêu thụ lớn nhất bao gồm Ấn Độ, Trung Quốc và Brazil, là các thị trường tiêu thụ chính của thế giới. Bên cạnh đó, một số nước khác như Mỹ, Úc, Argentina, Châu Âu, Pakistan, Bangladesh, Ethiopia...cũng nhập khẩu và tiêu thụ nhiều phân bón.

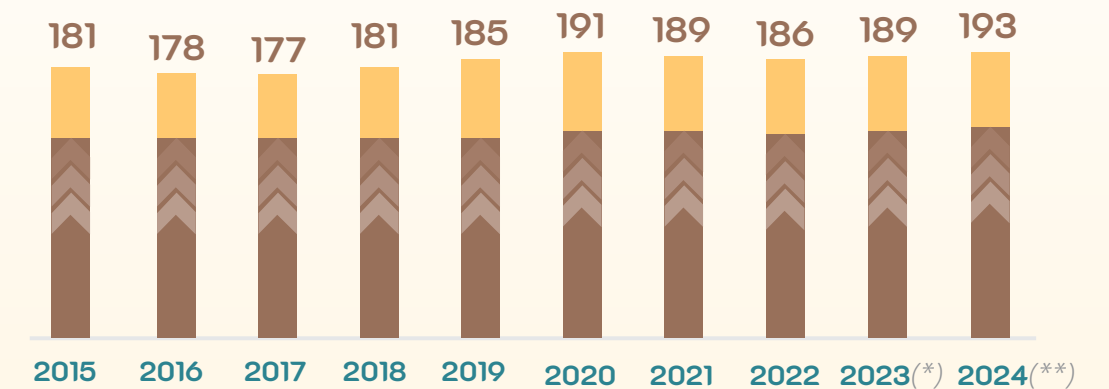
Mỹ là một trong những nước nhập khẩu urea và là động lực chính của thương mại toàn cầu mặc dù năng lực và sản lượng trong nước đã tăng đáng kể trong thập kỷ qua. Trung Quốc và Ấn Độ là những quốc gia tiêu thụ các sản phẩm nitơ lớn nhất, chiếm khoảng 40% mức tiêu thụ của thế giới.



Nhu cầu amoniac toàn cầu

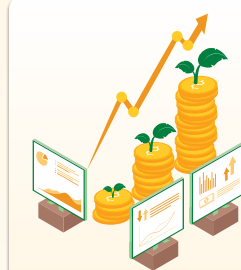
(Đơn vị: triệu tấn)

■ Nông nghiệp ■ Công nghiệp, thức ăn chăn nuôi, và các lĩnh vực khác



Nguồn: SPGCI

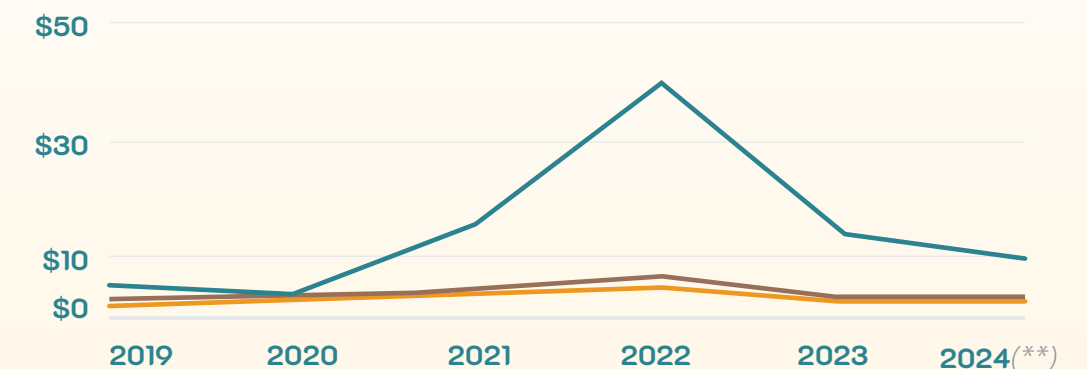
(*) số liệu ước tính năm 2023 (**) số liệu dự báo năm 2024



Giá khí thiên nhiên tại các khu vực chính

(Đơn vị: USD/MMBtu)

■ Mỹ (Henry Hub) ■ Canada (AECO) ■ Châu Âu (TTF)



Nguồn: ICE, CME, Nutrien

(**) Giá kỳ hạn tính đến ngày 7 tháng 2 năm 2024. AECO được dựa trên dự báo của US Henry Hub với mức giảm \$1,00/MMBtu.

TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024 (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG UREA THẾ GIỚI (Tiếp theo)

MỨC TIÊU THỤ UREA
CÁC LOẠI TRÊN
TOÀN THẾ GIỚI 2024

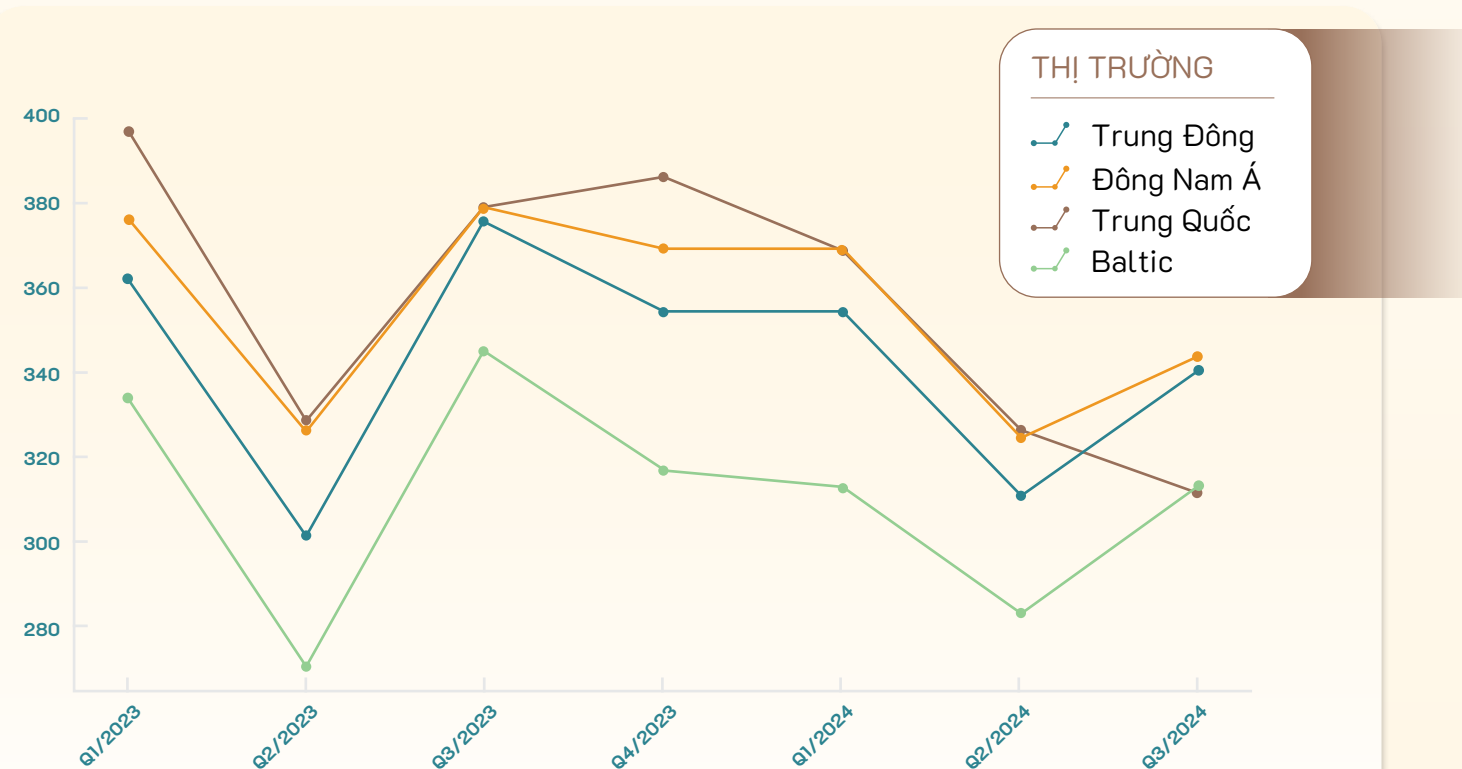
193 triệu tấn

Năm 2024, ước tính mức tiêu thụ urea các loại trên toàn thế giới gồm cả tiêu thụ nông nghiệp và công nghiệp đạt 193 triệu tấn, trong đó các ngành nông nghiệp chiếm phần lớn (trên 80% sản lượng tiêu thụ), còn lại dùng trong các ngành sản xuất công nghiệp khác như keo, ô tô...

Giá cả: Giá urea sau giai đoạn điều chỉnh vào quý 3 và quý 4 năm 2023, có dấu hiệu phục hồi từ quý 2/2024. Nhìn chung, khu vực Đông Nam Á vẫn duy trì được mức giá cao hơn so với Trung Quốc và Baltic nhưng thấp hơn so với Trung Đông do áp lực nguồn cung ở khu vực tăng lên so với giai đoạn trước.

Diễn biến giá urea thế giới theo quý, năm 2023 - 2024

ĐVT: USD/tấn



(Nguồn: Tổng hợp từ Fetercon, S&P Global)

THỊ TRƯỜNG KALI THẾ GIỚI

KALI SẢN XUẤT TRÊN
THẾ GIỚI NĂM 2024

65 triệu tấn

Sản xuất: Năm 2024, ước tính có 65 triệu tấn kali được sản xuất trên thế giới, trong đó tập trung chủ yếu ở Canada (khoảng 30% sản lượng toàn cầu), ngoài ra Nga và Belarus, Israel cũng là các nhà cung cấp lớn cho thị trường thế giới.

Nguồn kali chất lượng cao với số lượng lớn chỉ giới hạn ở một số ít quốc gia. Canada có trữ lượng kali toàn cầu lớn nhất, chiếm 40% tổng trữ lượng. Hơn 75% công suất kali thế giới do 6 nhà sản xuất lớn nhất nắm giữ. Do đó, động thái từ các nhà sản xuất này có ảnh hưởng đáng kể, chi phối không chỉ nguồn cung ứng và tác động đến giá cả Kali toàn cầu. Tính đến năm 2024, Canada là nước có trữ lượng kali lớn nhất thế giới với 1,1 tỷ tấn, chủ yếu nằm tại tỉnh Saskatchewan, nơi có nhiều mỏ kali hoạt động; Belarus với trữ lượng 750 triệu tấn, với nhà sản xuất lớn nhất là Belaruskali, có trữ

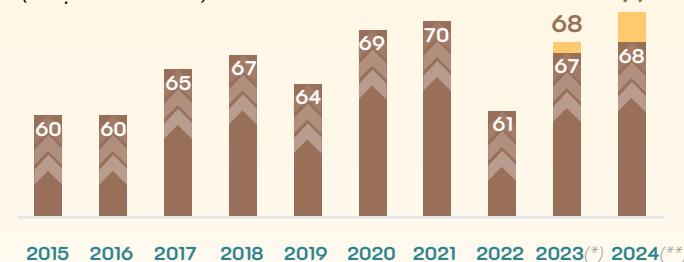
lượng kali lớn và đóng góp quan trọng vào thị trường toàn cầu. Nga sở hữu trữ lượng 650 triệu tấn, với vai trò nổi bật từ Uralkali, nhưng đã chịu ảnh hưởng lớn từ các biện pháp trừng phạt quốc tế. Trung Quốc sở hữu khoảng 180 triệu tấn, mặc dù là nước tiêu thụ kali lớn nhất thế giới, Trung Quốc vẫn cần nhập khẩu kali để đáp ứng nhu cầu trong nước. Đức có một số mỏ kali lớn và là một trong những nước sản xuất quan trọng trong khu vực châu Âu, chiếm khoảng 150 triệu tấn; Israel Chemicals là một trong những nhà sản xuất kali hàng đầu Israel, chủ yếu sản xuất từ các mỏ tại Biển Chết và hiện nước này nắm giữ khoảng 100 triệu tấn.

Những năm gần đây, do bị phương Tây áp lệnh trừng phạt, Nga và Belarus bị hạn chế xuất khẩu, ảnh hưởng đến nguồn cung ứng cho một số khu vực. Tuy nhiên, thông qua các nước trung gian, hiện tại nguồn cung ứng từ các nước này chuyển hướng sang một số thị trường chính như Trung Quốc, Brazil, Argentina, Mexico, Châu Âu, nên sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng Kali có phần giảm bớt hơn so với các năm trước.

Tiêu thụ: Năm 2024, ước tính lượng tiêu thụ Kali thế giới đạt mức 71 triệu tấn, tăng 3 triệu tấn hay tăng 4,4% so với nhu cầu tiêu thụ năm 2023 là 68 triệu tấn. Động lực tăng trưởng chính đến từ các khu vực/nước như Trung Quốc: 16,5 triệu tấn; Mỹ La tinh: 17 triệu tấn; trong đó riêng Brazil tiêu thụ khoảng 10 triệu tấn; Bắc Mỹ: 10,5 triệu tấn; Các nước Châu Á khác khoảng 10,5 triệu tấn. Ở Đông Nam Á, Indonesia là nước tiêu thụ Kali lớn nhất nên cùng với Trung Quốc, Ấn Độ, các đợt thầu của nước này cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá Kali ở khu vực.

Nhu cầu kali toàn cầu

(triệu tấn KCl)



Nguồn: IFA, Argus, CRU, Nutrien

(*) số liệu ước tính năm 2023

(**) số liệu dự báo năm 2024

Nhu cầu kali ở các khu vực trọng điểm

(triệu tấn KCl)



Nguồn: Các nhà tư vấn công nghiệp, Nutrien

TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024 (Tiếp theo)

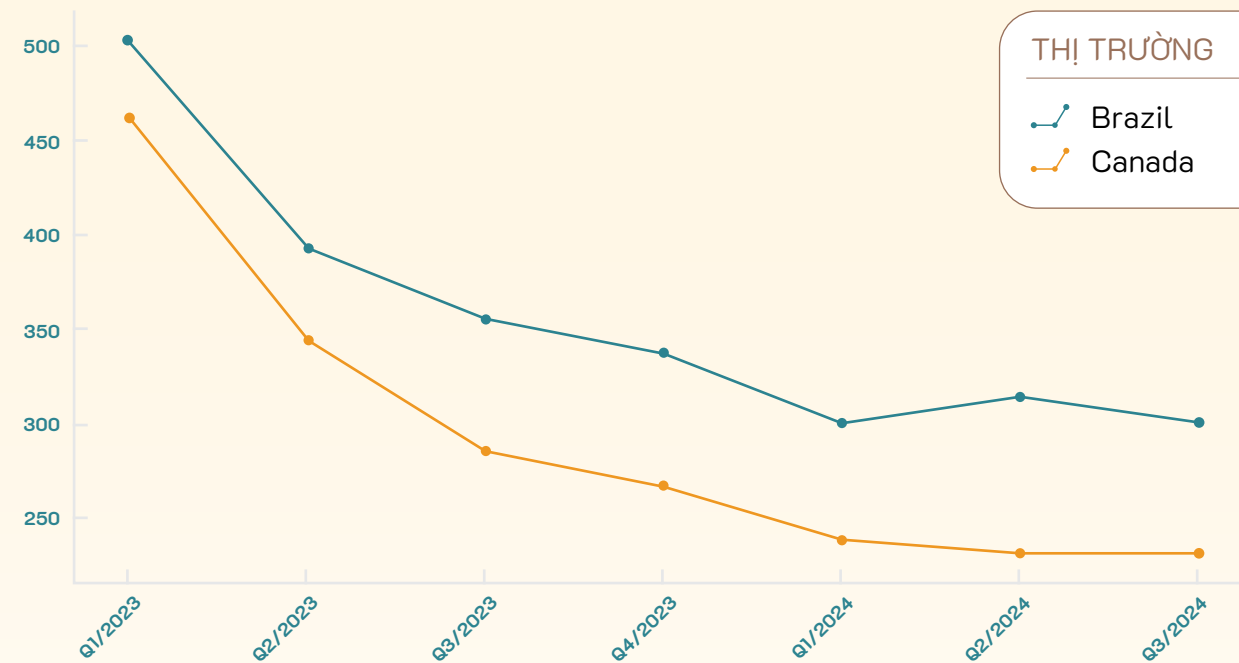
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG KALI THẾ GIỚI (Tiếp theo)

Giá cả: Giá kali năm 2024 biến động mạnh, theo chiều hướng giảm sâu hơn nhiều so với năm 2023 với sự cải thiện nguồn cung từ các nhà cung cấp chính ở Nga, Belarus, đồng thời nhu cầu giảm nhập khẩu ở một số thị trường chính như Mỹ, Brazil do chưa hấp thụ hết nguồn cung dồi dào từ các năm trước, gây áp lực lên giá kali thế giới.

Diễn biến giá Kali ở một số thị trường theo quý, năm 2023 - 2024

ĐVT: USD/tấn



(Nguồn: Tổng hợp từ Argus)

THỊ TRƯỜNG DAP THẾ GIỚI

Sản xuất: Các nước như Trung Quốc, Morocco, Nga và Ả rập Xê út, Ai Cập, Tunisia, Algeria, Nam Phi, Brazil là các nước hàng đầu trong việc sở hữu, cung ứng nguồn DAP/MAP toàn cầu, trong khi sản lượng phosphate của Mỹ có chiều hướng giảm mạnh, ước tính giảm 30% trong 10 năm qua. Hiện tại, Morocco là quốc gia có trữ lượng phosphate lớn nhất thế giới với 50 tỷ tấn, chiếm khoảng 70% tổng trữ lượng toàn cầu. Quốc gia này cũng là nhà sản xuất chính DAP và MAP. Trung Quốc không chỉ là một trong những nước sản xuất DAP lớn mà còn giữ vị trí quan trọng trong ngành công nghiệp phân bón toàn cầu với trữ lượng khoảng 3,8 tỷ tấn; Ai Cập là một trong những nhà sản xuất lớn của DAP và MAP, với một nền công nghiệp phân bón phát triển và hiện nắm giữ trữ lượng 2,8 tỷ tấn; Tunisia, quốc gia Bắc Phi có trữ lượng phosphate đáng kể khoảng 2,5 tỷ tấn và là một trong những nhà sản xuất DAP chính trên thế giới. Ả rập Xê út đang sở hữu khoảng 1,4 tỷ tấn và có kế hoạch gia tăng sản lượng trong những năm gần đây, với kế hoạch mở rộng thêm nữa trong tương lai.

Chính sách thương mại của Trung Quốc có tác động lớn đến thị trường phosphate toàn cầu. Năm 2023, xuất khẩu DAP/MAP của Trung Quốc đã giảm khoảng 30% so với năm 2021 do các hạn chế xuất khẩu ở nước này nhằm bình ổn thị trường trong nước. Trung Quốc hiện vẫn tiếp tục áp đặt các hạn chế đối với xuất khẩu phân bón, bao gồm cả urea, DAP và MAP (Mono-ammonium Phosphate). Chính phủ đã yêu cầu các nhà sản xuất tạm dừng việc xin cấp chứng nhận xuất khẩu, làm tăng thời gian thông quan và hạn chế khối lượng xuất khẩu.

LƯỢNG DAP/MAP SẢN XUẤT TRÊN
THẾ GIỚI ƯỚC ĐẠT

> **50** triệu tấn **NĂM 2024**

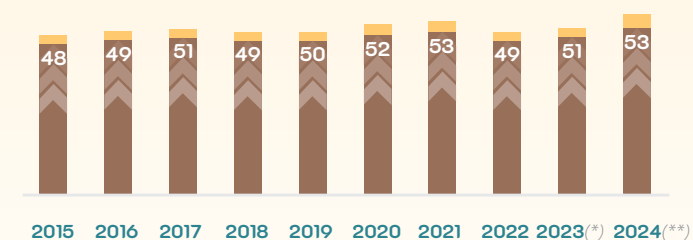
Về sản xuất, năm 2024, lượng DAP/MAP sản xuất trên thế giới ước đạt trên 50 triệu tấn, trong đó riêng Trung Quốc sản xuất 20 triệu tấn, còn lại tập trung ở các nước như Mỹ, Maroc, Nga, Ả rập Xê út.

Tiêu thụ: Năm 2024, ước tính lượng tiêu thụ DAP/MAP thế giới đạt 53 triệu tấn, tăng nhẹ 2 triệu tấn, hay tăng 4% so với năm 2023. Ấn Độ và Brazil là những nước nhập khẩu DAP/MAP lớn nhất, do sản lượng trong nước hạn chế. Do đó, đây là cũng là các thị trường ảnh hưởng đến nguồn cung nhập khẩu và diễn biến giá DAP/MAP trên thế giới.

Nhu cầu P₂O₅ toàn cầu

(triệu tấn)

■ Phân bón ■ Công nghiệp và thức ăn chăn nuôi

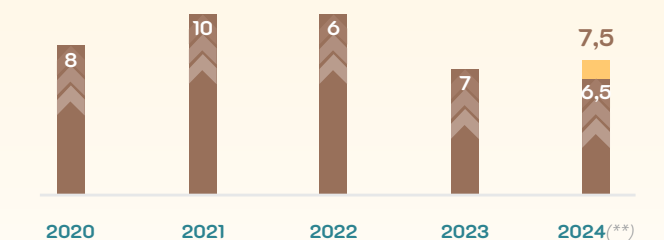


Nguồn: CRU

(*) số liệu ước tính năm 2023

Xuất khẩu DAP/MAP của Trung Quốc

(triệu tấn)



Nguồn: CRU, Argus, Nutrien

(**) số liệu dự báo năm 2024

TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024 (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI (Tiếp theo)

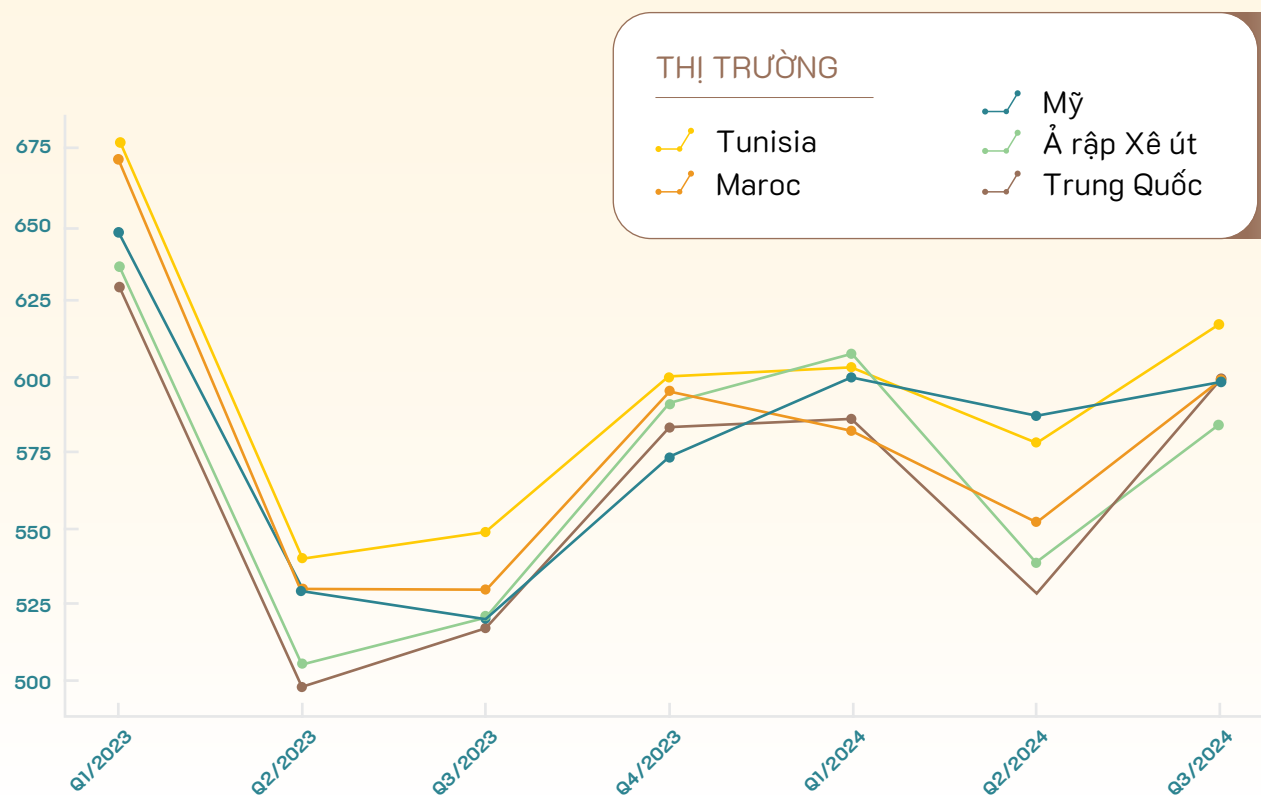
THỊ TRƯỜNG DAP THẾ GIỚI (Tiếp theo)

Về nhập khẩu, các nước có xu hướng nhập khẩu DAP/MAP lớn trên thế giới năm 2024 gồm Ấn Độ: khoảng trên 5 triệu tấn; Brazil: khoảng 4,5 triệu tấn; Mỹ: khoảng 1 triệu tấn; Úc: trên 1,2 triệu tấn; Pakistan: khoảng 0,9 triệu tấn.

Giá cả: Bước sang năm 2024, giá DAP ổn định trong quý 1/2024 nhưng sau đó điều chỉnh khá trong quý 2/2024 và phục hồi về mức cuối năm trước. Một trong những nguyên nhân chính là do Trung Quốc áp đặt hạn chế xuất khẩu DAP ra thị trường quốc tế, khiến các nhà nhập khẩu chính gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn hàng, nhất là Ấn Độ.

Diễn biến giá DAP theo quý ở một số thị trường, năm 2023 - 2024

ĐVT: USD/tấn



(Nguồn: Tổng hợp từ Argus)

THỊ TRƯỜNG NPK THẾ GIỚI

Sản xuất: Theo IFA, tổng sản lượng NPK toàn cầu tăng trưởng ổn định từ 114,9 triệu tấn vào năm 2016 lên 119,0 triệu tấn vào năm 2020, nhưng giảm nhẹ xuống còn 118,5 triệu tấn vào năm 2021. Sản lượng NPK ở các khu vực như Tây Âu và Nam Á có sự ổn định, trong khi Đông Á cho thấy sự giảm nhẹ trong sản xuất vào năm 2021 so với năm 2020. Châu Á và đặc biệt là Nam Á đã có sản lượng tương đối ổn định, tuy nhiên, sản lượng của Đông Á đã giảm từ 72,6 triệu tấn vào năm 2020 xuống 72,5 triệu tấn vào năm 2021. Trung Âu cho thấy sự giảm sản lượng từ 5,1 triệu tấn vào năm 2017 xuống 4,2 triệu tấn vào năm 2021, điều này có thể do tác động của các chính sách môi trường và biến động giá. Tây Âu duy trì sản lượng ổn định khoảng 14,9 triệu tấn từ năm 2019 đến 2021.

KHU VỰC	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tây Âu	14,9	14,9	15,0	15,0	14,9	14,9
Trung Âu	4,6	5,1	5,0	4,8	4,9	4,2
EECA (Đông Âu và Trung Á)	10,9	11,2	11,4	11,4	11,3	11,4
Châu Mỹ	3,2	3,2	3,3	3,6	3,6	3,6
Châu Phi	3,3	3,2	3,2	3,2	3,2	3,3
Tây Á	3,6	4,4	4,4	4,5	4,8	4,8
Nam Á	3,4	3,4	3,5	3,2	3,8	3,7
Đông Á	71,1	71,2	73,7	72,2	72,5	72,6
THẾ GIỚI	114,9	116,7	119,5	117,9	119,0	118,5

Đơn vị: Triệu tấn sản phẩm

Nguồn: IFA - Tháng 01/2023



Dựa trên báo cáo sản lượng sản xuất NPK của IFA giai đoạn 2016-2021 như trên, ước tính sản lượng NPK cho giai đoạn từ 2022-2024 đạt mức 120-122 triệu tấn. Sự gia tăng này có thể được lý giải bởi nhu cầu gia tăng từ ngành nông nghiệp trong bối cảnh dân số toàn cầu tăng, thúc đẩy nhu cầu về thực phẩm, mở rộng diện tích canh tác cây trồng. Ngoài ra, nhu cầu về phân bón hữu cơ và các giải pháp nông nghiệp bền vững ngày càng tăng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm NPK mới.

TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024 (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG NPK THẾ GIỚI (Tiếp theo)

TỔNG TIÊU THỤ NPK TOÀN CẦU ƯỚC ĐẠT

107,2 triệu tấn **VÀO NĂM 2034**

Tiêu thụ: Theo Argus, tổng tiêu thụ NPK toàn cầu năm 2020 là 99,7 triệu tấn và dự báo sẽ tăng lên khoảng 107,2 triệu tấn vào năm 2034, với tốc độ tăng trưởng hàng năm CAGR khoảng 0,5%/năm. Trong giai đoạn này, Châu Phi dự báo có mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất,

từ 2,5 triệu tấn vào năm 2020 lên 5,7 triệu tấn vào năm 2034, với CAGR là 6,0%. Điều này phản ánh sự phát triển nông nghiệp và nhu cầu tăng cao về thực phẩm trong bối cảnh dân số tăng. Nam Á có mức tăng trưởng khiêm tốn hơn với mức tiêu thụ dự kiến tăng từ 5,2 triệu tấn lên 5,5 triệu tấn, tương ứng với CAGR là 0,4%. Đông Bắc Á cho thấy sự suy giảm nhẹ trong tiêu thụ với dự báo giảm từ 63,8 triệu tấn xuống 63,1 triệu tấn. Khu vực Tây Âu có mức tiêu thụ tương đối ổn định, nhưng không có sự tăng trưởng đáng kể, trong khi Trung Âu và Đông Âu cũng cho thấy sự tăng trưởng khiêm tốn. Bắc Mỹ được dự báo tăng trưởng thấp.

Dự báo tăng trưởng tiêu thụ NPK theo khu vực, 2020-2034

ĐVT: nghìn tấn

KHU VỰC	2020	2024	2029	2034	± 2020-34	CAGR 2020-34
Đông Bắc Á	63.790	65.107	64.021	63.082	-707	-0,1%
Đông Nam Á	12.613	13.591	13.995	14.202	1.589	0,9%
Trung và Đông Âu	4.188	4.586	4.636	4.730	542	0,9%
Châu Phi	2.505	4.134	4.877	5.670	3.165	6,0%
Nga và Trung Á	1.465	1.510	1.736	1.860	395	1,7%
Nam Á	5.200	5.331	5.394	5.462	262	0,4%
Mỹ Latinh và Caribe	2.774	3.556	3.961	4.279	1.505	3,1%
Tây Âu	5.090	4.921	5.092	5.327	237	0,3%
Trung Đông	1.348	1.404	1.501	1.649	300	1,4%
Bắc Mỹ	717	723	722	721	4	0,0%
Châu Đại Dương	70	107	148	184	115	7,2%
TỔNG TOÀN CẦU	99.760	104.970	106.083	107.166	7.406	0,5%

(Nguồn: Argus)

DỰA TRÊN XU HƯỚNG HIỆN TẠI, TIÊU THỤ NPK TOÀN CẦU CÓ THỂ ĐẠT KHOẢNG

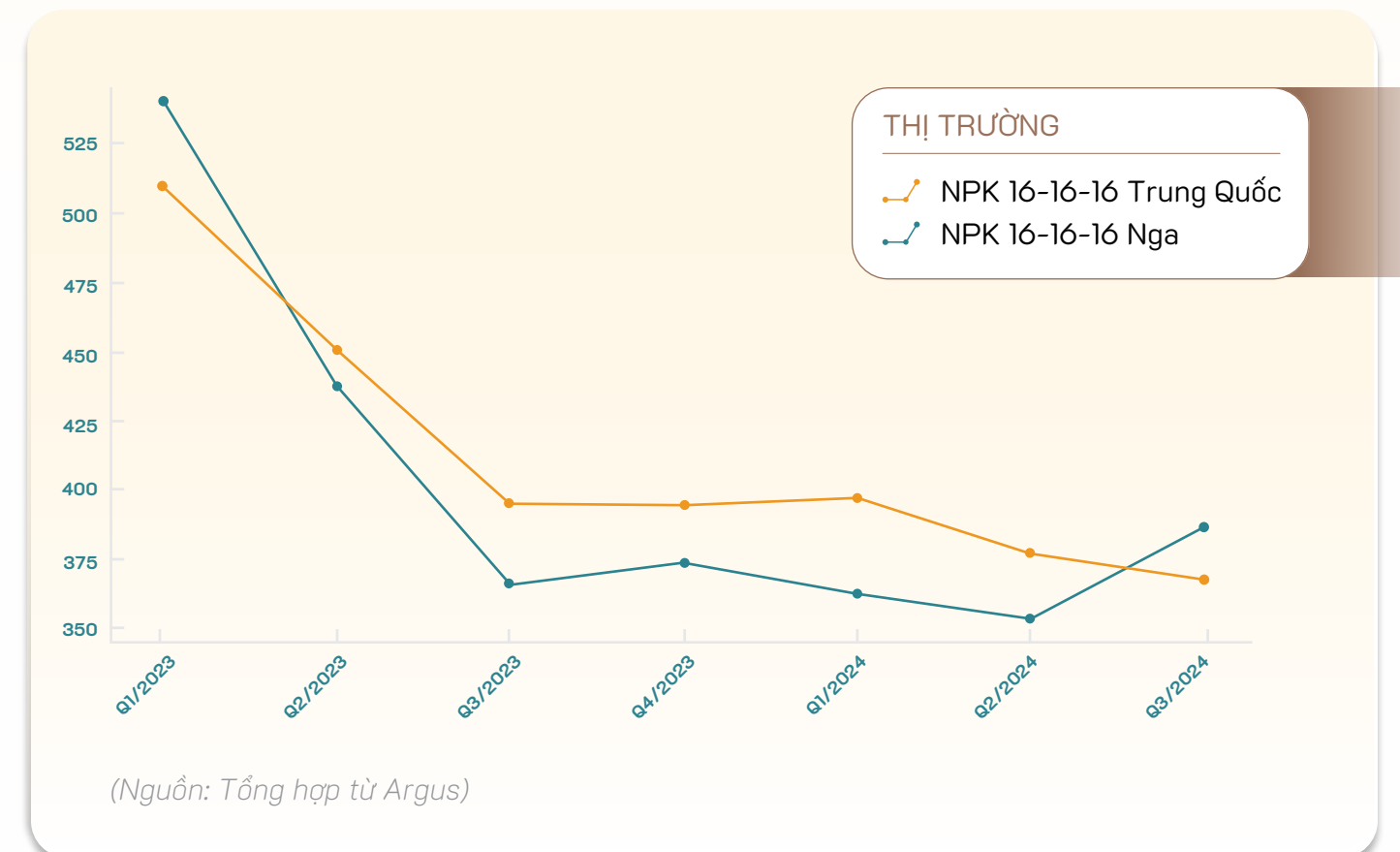
108-109 triệu tấn

cho giai đoạn 2024- 2025, với sự đóng góp lớn từ các khu vực như Châu Phi và Đông Nam Á.

Giá cả: Do thị trường NPK có nhiều công thức và tùy thuộc vào đặc trưng nhu cầu cụ thể, giá NPK có sự khác biệt nhất định giữa các nhà sản xuất cũng như khẩu vị của thị trường nhập khẩu chính. Với riêng công thức NPK 16-16-16 quan sát từ các nhà xuất khẩu Nga, Trung Quốc 2 năm qua cho thấy, giá NPK nhìn chung trong chiều hướng giảm, theo đó, giá NPK giảm mạnh liên tục từ quý 1/2023 – quý 3/2023 và đi ngang trong quý 4/2023. Sang năm 2024, giá NPK có dấu hiệu giảm nhẹ và tạo đáy vào quý 2/2024 và từng bước phục hồi nhẹ trong quý 3/2024. Diễn biến giá NPK phụ thuộc nhiều vào giá nguyên liệu urea, kali và DAP thế giới.

Diễn biến giá NPK 16-16-16 ở một số thị trường theo quý, năm 2023 - 2024

ĐVT: USD/tấn



TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024

(Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

TÌNH HÌNH CUNG CẦU TRONG NƯỚC

ĐVT: nghìn tấn

TT	Sản phẩm	Nhu cầu sử dụng trong nước		Ước tính nguồn cung		Cân đối cung cầu
		Năm 2024	Dự báo 2025	Trong nước	Nhập khẩu	
1	Urea	2.100 – 2.200	2.200 – 2.300	2.400 – 2.600	250 – 300	Đáp ứng nhu cầu nội địa và cả xuất khẩu
2	DAP	700 – 800	800 – 900	500 – 600	300 – 400	Lượng thiếu hụt được bù đắp từ xuất khẩu
3	Kali	900 – 1.000	1.000 – 1.200	0	1.000 – 1.200	Nhập khẩu 100%
4	NPK	3.200 – 4.000	3.500 – 4.200	3.600 – 5.000	350 – 450	Dư cung nhưng vẫn nhập NPK cao cấp
5	SA	1.100 – 1.200	1.100 – 1.200	0	1.200 – 1.300	Nhập khẩu 100%
6	Lân	1.800 – 1.900	1.800 – 1.900	1.500 – 2.000		Chủ động đáp ứng nhu cầu trong nước
7	Hữu cơ	2.000 – 2.500	2.200 – 2.600	2.900 – 3.000	400 – 500	Nguồn cung trong nước dồi dào nhưng vẫn có nhu cầu nhập khẩu hàng chất lượng

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG CHÍNH



Giá năng lượng, bao gồm dầu lửa, khí đốt và than đá, có vai trò quan trọng trong chi phí đầu vào của ngành sản xuất phân bón do nhiều quá trình sản xuất phụ thuộc lớn vào các nguồn năng lượng này. Khí đốt tự nhiên là nguyên liệu chính trong sản xuất amoniac, nguyên liệu đầu vào quan trọng để sản xuất phân urea. Thông thường, chi phí khí đốt chiếm tới 60-75% chi phí sản xuất phân đạm. Do đó, biến động giá khí đốt có tác động trực tiếp đến giá phân urea. Năm 2024, giá khí đốt đã tăng mạnh, đặc biệt tại các khu vực châu Âu và châu Á, khiến cho chi phí sản xuất urea và các loại phân bón dựa trên nitơ khác tăng cao. Bên cạnh đó, dầu mỏ và một số

sản phẩm dẫn xuất từ dầu mỏ là một trong những yếu tố chính tác động đến chi phí vận chuyển, và trong ngành phân bón, chi phí vận chuyển nguyên liệu thô (như kali, phosphate) và phân bón thành phẩm đóng vai trò quan trọng. Giá dầu cao sẽ dẫn đến chi phí vận tải tăng, làm tăng giá bán cuối cùng của sản phẩm phân bón. Về than đá, ngoài vai trò là cung cấp năng lượng, nó còn được sử dụng trong một số quy trình sản xuất phân bón, đặc biệt ở miền Bắc, nơi than là nguyên liệu chính để sản xuất urea và amoniac. Giá than tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí sản xuất, đặc biệt trong các khu vực vẫn dựa vào năng lượng than để vận hành nhà máy.



Nhu cầu sử dụng phân bón của Việt Nam về cơ bản được đánh giá ở mức ổn định/tăng nhẹ từ 11-12 triệu tấn/năm do giá nông sản chính như lúa gạo, cafe, cây ăn trái... thuận lợi trong thời gian gần đây, nhất là kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tốt nhằm tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại song phương và đa phương đem lại. Do đó, đây là yếu tố chính thúc đẩy quy mô sản xuất của ngành phân bón Việt Nam trong các giai đoạn tới đây.

THEO ĐÁNH GIÁ CỦA MỘT SỐ CHUYÊN GIA, ƯỚC TÍNH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH SXKD PHÂN BÓN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2025-2033 TĂNG TRƯỞNG KHOẢNG

5%/năm



Tính đa dạng hóa về sản phẩm là đặc trưng của ngành phân bón Việt Nam và xu hướng này tiếp diễn trong các năm tới. Trước đây, nhu cầu về phân đơn vẫn chi phối trong tập quán canh tác cây trồng của nông dân, nhưng xu hướng chuyển đổi sang phân bón NPK cũng đang dần thay đổi ở một số khu vực, nhất là ngành hàng phục vụ nông sản xuất khẩu có giá trị cao. Bên cạnh đó, do áp lực cạnh tranh từ thị trường, các nhà sản xuất cũng phải đầu tư nhiều hơn cho công tác R&D để sản xuất ra các sản phẩm mới, với tính năng mới, tạo thêm giá trị cho người dùng cuối. Ngoài ra, với sự tham gia từ phân khúc nhập khẩu cũng góp phần làm cho bức tranh về thị trường phân bón nội địa đa dạng và phong phú hơn trước. Một số nhà sản xuất, phân phối cũng đang có xu hướng chuyển sang bán hàng theo chính sách “bộ sản phẩm” để tận dụng các cơ hội từ thị trường đem lại.

TỔNG QUAN NGÀNH PHÂN BÓN NĂM 2024 (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC (Tiếp theo)

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG CHÍNH (Tiếp theo)



Áp lực cạnh tranh cao, cả từ nội địa và nhập khẩu, nhất là với các ngành hàng sản xuất trong nước, nhất là urea và NPK do năng lực sản xuất của ngành vượt mức tiêu thụ và có dấu hiệu dư cung ở một số thời điểm. Xem xét các số liệu XNK các năm gần đây cho thấy, xu hướng xuất khẩu ròng của Việt Nam vẫn chiếm ưu thế trong bối cảnh các nhà sản xuất Trung Quốc chịu sự áp đặt về hạn ngạch xuất khẩu, qua đó giúp các nhà sản xuất trong nước tận dụng cơ hội thâm nhập thị trường quốc tế nhiều hơn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn lệ thuộc 100% vào nhập khẩu kali và một phần DAP làm nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất NPK. Trong trường hợp chuỗi cung ứng thế giới gián đoạn do tình hình căng thẳng địa chính trị có thể dẫn đến rủi ro thiếu hụt nguồn cung ứng trong nước.



Ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, chiếm khoảng 10% GDP và sử dụng khoảng 40% lao động trong nền kinh tế. Do đó, sự phát triển của ngành nông nghiệp trực tiếp ảnh hưởng đến nhu cầu về phân bón. Nói cách khác, khi sản xuất nông nghiệp tăng trưởng, nhu cầu phân bón cũng sẽ tăng lên để cải thiện năng suất cây trồng. Điều này tạo ra cơ hội cho các công ty sản xuất phân bón tăng cường sản xuất và mở rộng thị trường.



Nông nghiệp Việt Nam có 2 vụ chính là vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu, mỗi vụ mùa yêu cầu một lượng phân bón khác nhau. Tính chu kỳ này dẫn đến sự dao động về nhu cầu phân bón theo từng mùa vụ, vùng miền, cây trồng... ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và cung ứng đầu ra của các công ty trong ngành. Vào thời điểm đầu vụ, thường có nhu cầu phân bón tăng cao, dẫn đến áp lực sản xuất lớn đối với các nhà máy. Trong khi đó, ở thời điểm thấp vụ, nhu cầu có thể giảm mạnh, gây ra tình trạng dư thừa sản phẩm và ảnh hưởng đến doanh số bán hàng của các công ty trong ngành.



Nhìn chung, nhu cầu về phân bón trong nước thường cao điểm trong quý 2 và quý 4 và các tháng còn lại thường là thấp điểm. Giá cả phân bón có thể chịu ảnh hưởng từ yếu tố mùa vụ, khi nhu cầu tăng cao trong mùa vụ dẫn đến giá tăng và ngược lại. Các công ty sản xuất phân bón phải hoạch định

chính sách bán hàng linh hoạt để điều chỉnh theo biến động thị trường. Ngoài ra, các yếu tố như thời tiết, mùa vụ và chính sách hỗ trợ của chính phủ cũng có thể làm biến động giá cả và ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ phân bón của ngành.



Ngành nông nghiệp hiện đang chuyển mình theo hướng phát triển xanh, bền vững, thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng điều kiện nghiêm ngặt hơn từ thị trường tiêu dùng, điều này cũng đòi hỏi các công ty sản xuất phân bón điều chỉnh quy trình sản xuất và sản phẩm để đáp ứng nhu cầu về phân bón hữu cơ và thân thiện với môi trường.



Ngành phân bón có mối tương quan chặt chẽ đến ngành nông nghiệp, do đó, các yếu tố về mùa vụ, thời tiết tác động trực tiếp đến hoạt động của ngành phân bón. Biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, và bão thường xuyên hơn, làm thay đổi chu kỳ mùa vụ hoặc gây tổn thất trong sản xuất nông nghiệp. Khi thời tiết không thuận lợi, nhu cầu phân bón giảm đáng kể do nông dân giảm diện tích gieo trồng hoặc bỏ vụ. Các đợt hạn hán kéo dài có thể khiến nông dân giảm bớt sử dụng phân bón, ảnh hưởng đến doanh thu của các nhà sản xuất và phân phối phân bón. Thời tiết bất thường, chẳng

hạn như mưa quá nhiều, có thể làm giảm hiệu quả của phân bón, do bị rửa trôi trước khi cây trồng có thể hấp thụ. Điều này không chỉ gây lãng phí phân bón mà còn khiến nông dân phải sử dụng thêm lượng phân bón, dẫn đến biến động trong nhu cầu chung của ngành. Nhìn chung, năng suất cây trồng phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và khí hậu. Nếu điều kiện thời tiết thuận lợi, sản lượng cây trồng sẽ tăng, từ đó nhu cầu phân bón cũng tăng theo. Ngược lại, trong trường hợp thời tiết xấu, nhu cầu phân bón sẽ giảm do giảm diện tích gieo trồng hoặc cây trồng không đạt năng suất như mong đợi.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN NĂM 2025

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG UREA

UREA SẢN XUẤT
NĂM 2025 ƯỚC ĐẠT

~190 triệu tấn

Sản xuất toàn cầu dự báo sẽ đạt khoảng 190 triệu tấn trong năm 2025 do sản lượng tăng từ Trung Quốc, Trung Đông, Nga, Bắc Phi. Nhu cầu tiêu thụ dự kiến sẽ tăng khoảng 2-3% nhờ sự hồi phục trong ngành nông nghiệp ở các nước đang phát triển trong bối cảnh giá nông sản chính có dấu hiệu khởi sắc hơn, giúp nông dân cải thiện khả năng chi trả phân bón và vật tư đầu vào tốt hơn.

Urea vẫn là phân bón được sử dụng phổ biến nhất, góp phần quan trọng để tăng năng suất cây trồng và đảm bảo an ninh lương thực. Tăng trưởng dân số toàn cầu yêu cầu năng suất nông nghiệp cao hơn, thúc đẩy nhu cầu đối với urea.

Châu Á - Thái Bình Dương dự kiến sẽ chiếm ưu thế trên thị trường urea, đặc biệt ở các quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ, nơi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Các chính sách hỗ trợ và trợ cấp của chính phủ cho phân bón thúc đẩy tăng trưởng thị trường này.

Ngành sản xuất urea phụ thuộc nhiều vào khí tự nhiên, do đó sự biến động giá khí tự nhiên có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của các nhà sản xuất. Đồng thời, các chính sách môi trường nghiêm ngặt liên quan đến khí thải nitơ có thể ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và sử dụng urea, yêu cầu các nhà sản xuất tuân thủ và có thể cần phải điều chỉnh quy trình sản xuất.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG KALI

NHU CẦU KALI TOÀN CẦU
NĂM 2025 ƯỚC ĐẠT

68-71 triệu tấn

Thị trường kali toàn cầu trong giai đoạn 2025-2026 dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng, với nhu cầu và giá cả có xu hướng tăng, nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến cung ứng và chuỗi cung ứng. Nhu cầu kali toàn cầu năm 2025 sẽ tiếp tục phục hồi theo xu hướng trong năm 2024 với lượng tiêu thụ thế giới ước đạt 68-71 triệu tấn. Nguồn cung phân kali toàn cầu chủ yếu đến từ các nhà sản xuất lớn như Canada, Nga và Belarus. Tuy nhiên, các biện pháp trừng phạt và căng thẳng địa chính trị có thể ảnh hưởng đến khả năng cung ứng từ các quốc gia này, dẫn đến sự thiếu hụt nguồn cung và tăng giá trong một số giai đoạn nhất định.



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN NĂM 2025 (Tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI (Tiếp theo)



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG DAP

TIÊU THỤ DAP/MAP DỰ KIẾN
ỔN ĐỊNH QUANH MỨC

48-50 triệu tấn

Sản lượng DAP dự kiến sẽ đạt 52 triệu tấn trong năm 2025, với nguồn cung phục hồi từ Trung Quốc. Tiêu thụ DAP/MAP dự kiến ổn định quanh mức 48 - 50 triệu tấn, động lực dẫn dắt chính đến từ Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Mỹ với vai trò là các thị trường nhập khẩu lớn của thế giới. Tuy nhiên, các biện pháp trừng phạt và căng thẳng địa chính trị có thể ảnh hưởng đến khả năng cung ứng từ các quốc gia như

Nga, Belarus, dẫn đến sự thiếu hụt nguồn cung ở một số thời điểm cũng như chính sách hạn chế xuất khẩu DAP của Trung Quốc cũng ảnh hưởng đến nguồn cung ứng trên thị trường. Dự báo, giá DAP/MAP sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong năm 2025 do nguồn cung gặp nhiều vấn đề lớn và nhu cầu toàn cầu tiếp tục tăng.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NPK

Sản xuất NPK phụ thuộc nhiều vào giá các nguyên liệu đầu vào như urea, DAP, và kali. Do giá của các nguyên liệu này sẽ quyết định đến giá thành sản xuất NPK cũng như giá bán đầu ra. Nhìn chung, với bối cảnh hiện tại, dự báo giá NPK có chiều hướng tăng cao hơn trong năm 2025 do một số giá nguyên liệu đầu vào tăng cao hơn.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

NHU CẦU TIÊU THỤ PHÂN BÓN 2025
TẠI VIỆT NAM ƯỚC TÍNH VẪN Ở MỨC

10,5-11 triệu tấn

Thị trường phân bón Việt Nam năm 2025 dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng, nhờ vào các yếu tố như nhu cầu nông nghiệp trong nước và quốc tế, chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và các chính sách thúc đẩy ngành nông nghiệp, khuyến khích chuyển đổi cây trồng và áp dụng phương pháp canh tác bền vững. Nhu cầu tiêu thụ phân bón tại Việt Nam ước tính vẫn ở mức 10,5 – 11 triệu tấn mỗi năm.

Từ tháng 7/2025, phân bón chính thức chịu thuế giá trị gia tăng (VAT) 5%, thay vì không chịu thuế như trước đây. Việc áp dụng thuế VAT này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước nhờ được hoàn thuế VAT đầu vào, giúp giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh của phân bón nội địa so với hàng nhập khẩu.

Việt Nam đang mở rộng thị trường xuất khẩu, việc ký kết các hiệp định thương mại và nâng cao chất lượng sản phẩm sẽ tạo cơ hội tăng trưởng cho ngành phân bón Việt Nam trên thị trường quốc tế trong thời gian tới.

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

Nền tảng tài chính tốt, dòng tiền dồi dào mang lại nhiều lợi thế cho PVCFC, giúp công ty duy trì ổn định và mở rộng hoạt động một cách hiệu quả như: Đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn, và trung hạn; Giảm phụ thuộc nợ vay bên ngoài; Đầu tư nâng cấp nhà máy, mở rộng dây chuyền sản xuất, giúp tăng năng suất và đa dạng hóa sản phẩm; Triển khai áp dụng các chương trình hỗ trợ đại lý và khách hàng mở rộng thị phần mà không ảnh hưởng quá nhiều đến dòng tiền; Đầu tư vào logistics, kho bãi, đại lý tại các thị trường mới; Duy trì chính sách cổ tức ổn định, làm tăng giá trị cổ phiếu DCM trên thị trường.

Chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào: Nhà máy Đạm Cà Mau được cung cấp nguồn khí ổn định, lâu dài từ PVN và các đối tác giúp bảo đảm duy trì sản xuất liên tục, ổn định. Nhà máy NPK Cà Mau nhận được nguồn cung ứng urea từ chuỗi giá trị nội bộ giúp tạo lợi thế hơn so với các công ty khác trên thị trường. Ngoài ra, Công ty chủ động ký kết thỏa thuận hợp tác dài hạn với các đối tác trong và ngoài nước nhằm cung ứng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất NPK thuận lợi hơn.

Tối ưu hóa nhờ lợi thế về quy mô: Thời gian gần đây, với công suất hoạt động gia tăng, sản lượng sản xuất nhiều hơn cả về urea và NPK giúp Công ty từng bước đạt được hiệu quả về quy mô, tiết giảm chi phí sản xuất đơn vị ở các nhà máy trực thuộc, qua đó tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh; Tận dụng hệ thống logistics rộng khắp giúp giảm chi phí vận chuyển trên mỗi đơn vị sản phẩm; Mạng lưới đại lý lớn giúp PVCFC tối ưu hóa chi phí marketing và bán hàng tại các thị trường.

Hệ thống phân phối mạnh mẽ: Mạng lưới phân phối cấp 1 và cấp 2 rộng khắp, đặc biệt tại Đồng bằng sông Cửu Long và Campuchia, giúp tối ưu hóa doanh thu và hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt, với việc bổ sung thêm Công ty TNHH Phân bón Hàn-Việt cũng giúp củng cố chuỗi giá trị, cung ứng hàng hóa ở các thị trường trọng điểm, tăng cường khả năng chiếm lĩnh thị trường, nhất là thị phần NPK có sự tăng trưởng nhanh hơn giai đoạn trước.

Ứng dụng công nghệ thông tin mạnh: Với nền tảng đầu tư mạnh mẽ cho CNTT từ nhiều năm qua đã và đang giúp PVCFC xây dựng được bộ máy quản trị hiện đại với nhiều công cụ, phần mềm nổi trội, tiên tiến như ERP, Data analytics, DMS, CRM,... nâng cao hiệu quả quản lý bán hàng và chuỗi cung ứng. Ngoài ra, những năm gần đây, Công ty tăng cường ứng dụng nền tảng AI, phân tích dữ liệu giúp nâng cao hiệu quả hoạt động trong toàn hệ thống, cả nội bộ cũng như khách hàng và nông dân, giúp giảm thời gian tác nghiệp thực tế, đồng thời gia tăng trải nghiệm ứng dụng mới từ khách hàng.

ĐIỂM YẾU

Giá thành sản xuất cao: So với một số quốc gia khác như Trung Đông, Baltic, Đông Nam Á, chi phí của các nhà sản xuất phân bón Việt Nam nói chung và PVCFC nói riêng có sự bất lợi hơn do nguồn nguyên liệu khí ở các nước như Trung Đông, Baltic gần nhà máy; dễ khai thác, vận chuyển, giá thành thấp nên chi phí giá vốn sản phẩm đơn vị thấp hơn. Đây là yếu tố khó có thể khắc phục được trong dài hạn, do đó, việc cạnh tranh của PVCFC trên thị trường quốc tế so với các nhà sản xuất ở các khu vực này khó khăn hơn.

Chi phí bán hàng, marketing, logistic có xu hướng tăng: Công ty đang trong giai đoạn mở rộng và phát triển nhanh, dẫn tới các chi phí bán hàng, marketing, logistic có xu hướng tăng theo. Do áp lực cạnh tranh trong ngành phân bón nội địa rất lớn, nhiều sức ép, do đó, để duy trì chính sách đồng hành lâu dài với đại lý và nông dân, Công ty triển khai nhiều hoạt động, chương trình lớn như chiết khấu, khuyến mại, xúc tiến bán hàng, tặng quà cho khách hàng,... từ đó kéo theo chi phí bán hàng, marketing tăng. Ngoài ra, một số chi phí khác khó tiết giảm như chi phí kho bãi, vận chuyển vì đây là chi phí gắn với việc lưu thông hàng hóa. Tuy nhiên, với việc áp dụng luật thuế GTGT từ 1/7/2025, kỳ vọng một số chi phí liên quan sẽ được khấu trừ, giúp hạ bớt chi phí liên quan của đơn vị.

Biến động lợi nhuận: Lợi nhuận của công ty có xu hướng giảm trong các quý gần đây, chủ yếu do biến động giá đầu ra và mức lợi nhuận tăng đột biến trong giai đoạn các năm trước. Đây cũng là điều dễ hiểu trong bối cảnh mức doanh thu và lợi nhuận tạo đỉnh cao trong năm 2022, nhưng sau đó nhanh chóng suy giảm mạnh 40-50% trong các năm sau đó, dẫn đến doanh thu giảm mạnh. Ngoài ra, như đã đề cập, với giá nguyên liệu đầu vào và chi phí bán hàng tăng nhanh một số quý cũng kéo theo lợi nhuận suy giảm. Tuy vậy, với một số động lực mới xuất hiện trong năm 2025, kỳ vọng biên lợi nhuận của đơn vị sẽ cải thiện hơn trong thời gian tới.



PHÂN TÍCH SWOT (Tiếp theo)

CƠ HỘI

Từ ngày 1/7/2025, theo Luật Thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) sửa đổi, mặt hàng phân bón tại Việt Nam sẽ chuyển từ diện không chịu thuế sang chịu thuế suất GTGT 5%, điều này giúp giảm chi phí sản xuất và tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp sản xuất trong ngành; Việc khấu trừ thuế đầu vào giúp doanh nghiệp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh so với phân bón nhập khẩu; Khuyến khích đầu tư vào đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường. Nhìn chung, với đạo luật này, kỳ vọng giúp cải thiện biên lợi nhuận của Công ty hơn so với giai đoạn trước.

Vị thế dẫn đầu thị trường: Là nhà sản xuất phân bón hàng đầu ở Việt Nam, PVCFC nỗ lực phấn đấu tiên phong, dẫn đầu trên thị trường trong việc sản xuất và cung ứng các dòng sản phẩm phân bón đa dạng. Với việc mở rộng sản xuất Nhà máy NPK Cà Mau, mua thêm Nhà máy NPK Hàn-Việt giúp Công ty bổ sung thêm nguồn hàng đáng kể nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng trong và ngoài nước.

Mở rộng thị trường xuất khẩu: Các năm gần đây, PVCFC tích cực tham gia vào thị trường xuất khẩu quốc tế nhờ lợi thế phân bón urea hạt đục được ưa chuộng hơn; giá bán xuất khẩu một số thời điểm cao hơn; nhu cầu mua lớn, điều này giúp PVCFC nắm bắt và tận dụng tốt cơ hội. Tính sơ bộ, 5 năm qua, PVCFC đã xuất khẩu hơn 1 triệu tấn urea đến hơn 20 thị trường lớn trên thế giới ở khắp thế giới. Bước sang quý 1/2025, PVCFC tổ chức xuất khẩu hơn 100.000 tấn đi Úc và dự kiến đàm phán thêm một số đối tác để

Cạnh tranh quốc tế: Sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất có chi phí thấp hơn ở Trung Đông và Đông Nam Á đặt áp lực lên thị phần và giá bán của PVCFC. Áp lực cạnh tranh đến cả từ trong nước và từ quốc tế. Trong nước, số lượng công ty sản xuất trong ngành lớn, chưa kể số lượng công ty nhập khẩu, phân phối, điều này kéo theo áp lực cạnh tranh nội địa, nhất là cuộc cạnh tranh về giá là vấn đề nan giải và không có hồi kết. Điều này, đòi hỏi PVCFC chủ động trước trong việc tăng cường xuất khẩu ra nước ngoài, xây dựng hệ thống khách hàng vững mạnh, trung thành, gắn bó lâu dài với Công ty nhằm tổ chức tiêu thụ tối đa sản lượng sản xuất của các nhà máy trực thuộc. Ngoài ra, trong bối cảnh cạnh tranh từ quốc tế hiện nay, việc hàng nhập khẩu

rẻ hơn, chất lượng cao hơn cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất thị phần, khách hàng vào các công ty đối thủ.

Biến động giá nguyên liệu cao: Sự thay đổi giá khí đốt và nguyên liệu đầu vào có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của công ty. Khí thiên nhiên chiếm tỷ trọng lớn về chi phí sản xuất urea, vì khí là nguồn cung cấp hydro trong quá trình tổng hợp ammonia (NH_3), tiền chất chế tạo sản phẩm urea. Giá khí thiên nhiên có thể biến động mạnh do ảnh hưởng từ thị trường dầu thô, cung-cầu toàn cầu, và chính sách năng lượng của các nước lớn. Trên thực tế, PVCFC mua khí từ PV GAS theo hợp đồng dài hạn, nhưng giá khí vẫn có sự điều chỉnh theo biến động thị trường. Đây là nhân tố tiềm ẩn biến động lớn, nhất là trong bối cảnh tình hình địa chính trị thế

triển khai các hoạt động xuất khẩu lô hàng tiếp theo.

Nhu cầu tiêu thụ phân bón trong và ngoài nước duy trì tốt: Với nền kinh tế trong nước định hướng xuất khẩu, nên các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam được đầu tư và quan tâm lớn nhằm gia tăng kim ngạch xuất khẩu và nâng cao giá trị cho nông dân. Điều này không chỉ giúp phát triển ngành nông nghiệp mà còn tác động đến các ngành liên quan, bao gồm phân bón, logistics và chế biến sâu. Căn cứ theo số liệu cập nhật gần đây cho thấy, các mặt hàng nông sản xuất khẩu chiến lược của Việt Nam đạt được nhiều thành tựu lớn trên thị trường, với một số điểm nhấn chính như: Lúa gạo – Xuất khẩu gạo của Việt Nam đứng thứ 2 thế giới (sau Ấn Độ), các thị trường chính là Philippines, Trung Quốc, Indonesia; Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới với sản lượng hơn 1,7 triệu tấn/năm với thị trường chính là Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản; Hồ tiêu Việt Nam chiếm 40% tổng lượng xuất khẩu hồ tiêu toàn cầu với các thị trường lớn là Mỹ, EU, Ấn Độ, Trung Đông; Hạt điều xuất khẩu khoảng 600.000 tấn/năm, giữ vững vị

thế nhà xuất khẩu điều số 1 thế giới; Cao su Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về xuất khẩu cao su (sau Thái Lan, Indonesia) với thị trường chính gồm Trung Quốc, EU, Mỹ,... Có thể nói, việc đầu tư vào các nông sản xuất khẩu giúp ổn định và gia tăng nhu cầu phân bón, đặc biệt là phân bón NPK, phân hữu cơ và vi sinh để đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Bên cạnh đó, Chính phủ có chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính cho ngành nông nghiệp, gián tiếp giúp giảm chi phí đầu vào cho nông dân, kích thích tiêu thụ phân bón. Xu hướng mở rộng thị trường nông sản đồng nghĩa với việc PVCFC có thể đẩy mạnh xuất khẩu phân bón sang các nước Đông Nam Á như Campuchia, Thái Lan và Philippines.



THÁCH THỨC

giới diễn biến phức tạp hiện nay với các cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine vẫn tiếp diễn; Khu vực Trung Đông đầy bất ổn và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; Chính sách của Mỹ đang thay đổi, nhất là chính sách thuế quan mới được dự báo sẽ tiếp tục là các vấn đề nóng trên trường quốc tế trong thời gian tới.

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đang tạo ra những thách thức lớn đối với ngành phân bón và PVCFC, ảnh hưởng đến cung - cầu thị trường, chi phí sản xuất và chiến lược phát triển dài hạn. PVCFC có thị trường chính tại ĐBSCL, nơi chịu tác động mạnh của hạn hán, xâm nhập mặn do BĐKH. Khi nước mặn xâm nhập sâu, nông dân giảm diện tích trồng lúa, giảm nhu cầu sử dụng phân bón, ảnh hưởng đến thị phần phân bón của Công ty tại khu vực này. Các hiện tượng thời tiết tiêu cực khác như nắng nóng, lũ lụt,... cũng gây ra ảnh hưởng xấu đến ngành nông nghiệp, kéo theo ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng phân bón ở các khu vực.

CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG PVCFC



BỘ PHẬN HỖ TRỢ

TRỰC TIẾP: Big Data, TCKT, KTATTT, Ban Kiểm Soát...
GIÁN TIẾP: QTNL, Kế hoạch Đầu tư, Thương mại...

Trung tâm nghiên cứu - Phát triển
Ban sản phẩm mới và giải pháp
dịch vụ nông nghiệp



R&D VÀ NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

Nghiên cứu thị trường
Nghiên cứu sản phẩm
Phát triển sản phẩm
Đăng ký bảo hộ

Nhà máy NPK Hàn-Việt
Nhà máy Đạm Cà Mau
Nhà máy NPK Cà Mau



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Sản xuất thử nghiệm (LAB)
Sản xuất thực tế
Kiểm soát chất lượng sản phẩm
Xuất xưởng & lưu kho

Hệ thống logistics
Tư vấn bán hàng
Gắn kết hệ thống phân phối



MARKETING

Triển khai hoạt động thương hiệu
Truyền thông sản phẩm
Triển khai hoạt động xúc tiến bán hàng
thúc đẩy sản phẩm
Triển khai hoạt động quan hệ
công chúng (PR)
Nghiên cứu thị trường
Dự báo thị trường

Hệ thống đại lý C1
Hệ thống đại lý C2
Các trung gian khác



PHÂN PHỐI

Phân phối sản phẩm
Trung gian ghi nhận thông tin từ
người dùng cuối

B2B: Nông trường,
Hộ kinh doanh lớn,
Công ty tư nhân,
Chuỗi doanh nghiệp,...



TIÊU DÙNG CUỐI

B2C: Người nông dân



DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CSS

Call Center

CSKH

Xử lý khiếu nại

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT



PVCFC là doanh nghiệp hàng đầu Đông Nam Á trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và cung cấp giải pháp toàn diện trong chuỗi giá trị nông nghiệp và hóa chất liên quan phân bón trên nền tảng công nghệ thông minh.

Nghiên cứu đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực: Đa dạng hóa và phát triển sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón; Đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chế biến sau thu hoạch và lĩnh vực khí Công nghiệp và hóa chất liên quan phân bón.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỪNG LĨNH VỰC

ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH PHÂN BÓN

Phát triển và tham gia sâu vào chuỗi giá trị nông nghiệp, tập trung dịch chuyển dần từ cung cấp bộ sản phẩm phân bón sang bộ giải pháp dinh dưỡng cây trồng và tiến tới hoàn thiện bộ giải pháp canh tác nông nghiệp công nghệ cao. Đối với bộ giải pháp dinh dưỡng cây trồng tập trung phát triển các dòng phân bón khác nhau bao gồm phân bón gốc, phân bón lá, phân bón hòa tan, phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh. Bộ giải pháp canh tác nông nghiệp bên cạnh các dòng phân bón còn phát triển thêm cả phương pháp chăm bón, chăm sóc cây trồng, sản phẩm bảo vệ thực vật, hệ thống giám sát quá trình canh tác... phục vụ nông nghiệp theo quy trình khép kín chăm sóc cây trồng từ lúc sinh trưởng đến thu hái.

Tập trung nghiên cứu, phát triển và đa dạng hóa các nhóm sản phẩm chính gồm: Phân bón urea cao cấp đa chức năng; Phân bón phức hợp NPK với nhiều công thức phục vụ cho các vùng thị trường khác nhau; Phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh; Phân bón hòa tan, phân bón lá.

Nghiên cứu, tổng hợp các hoạt chất kích thích sinh học và nghiên cứu, sản xuất chế phẩm sinh học từ vi sinh vật cho các dòng sản phẩm phân bón.

Từng bước nghiên cứu và cung cấp các dòng sản phẩm hữu cơ sinh học, hữu cơ vi sinh phục vụ cho thị trường cao cấp.

Triển khai mô hình Nông nghiệp đô thị để tiếp cận xu thế nông nghiệp đô thị đang phát triển mạnh mẽ ở các thành



phố lớn, tập trung hoàn thiện bộ sản phẩm nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao gồm: Giống, giá thể, vật tư trồng trọt, hệ thống tưới, máy nông nghiệp tự động, phân bón dinh dưỡng, sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm quản lý sau thu hoạch, giải pháp trồng cây đô thị. Phân kỳ các giai đoạn phát triển phù hợp để từng bước hoàn thiện mô hình gồm: (1) Giai đoạn phát triển bộ sản phẩm nền cho nông nghiệp đô thị gồm công cụ, dụng cụ, trang thiết bị, máy móc, hệ thống điều khiển, hệ thống tưới mini, giá thể, sản phẩm phân bón chuyên cho tưới nhỏ giọt, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, các giải pháp kỹ thuật công nghệ cao kèm theo và (2) Phát triển thành bộ giải pháp canh tác nông nghiệp đô thị công nghệ cao dành cho cây cảnh, rau màu, hoa,... phục vụ cảnh quan đô thị, công viên cây xanh, nhà phố, chung cư, biệt thự gồm giá thể, cây giống, thuốc bảo vệ thực vật sinh học-vi sinh, phân bón lá, phân bón hòa tan.

Tiếp cận, xây dựng, phát triển hệ thống phân phối trực tuyến (E-commerce) bước đầu thông qua mô hình kinh doanh nông nghiệp đô thị và nhân rộng ra các sản phẩm khác của công ty. Tiếp tục triển khai mô hình kinh doanh B2B đáp ứng theo sự phát triển kinh tế nông nghiệp quy mô lớn do xu thế thay đổi trong tập quán canh tác nông nghiệp ở ĐBSCL, ĐNB, TN và vùng miền khác đang dần phát triển, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô lớn trong nông nghiệp ngày càng nhân rộng.

Mở rộng hợp tác với đối tác nước ngoài xuất nhập khẩu phân bón, hàng hóa hướng tới phát triển công tác kinh doanh quốc tế.

Đẩy mạnh đầu tư và đưa vào khai thác hệ thống kho phục vụ công tác kinh doanh, phân phối sản phẩm, đáp ứng kịp thời việc vận chuyển và giao nhận sản phẩm. Phát triển cơ sở hạ tầng logistic thành mạng lưới liên hoàn tiến tới mở rộng cung cấp dịch vụ logistic ra bên ngoài gồm hệ thống các kho lưu trữ, cảng hàng hóa, phương tiện vận chuyển.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỪNG LĨNH VỰC (Tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT, KINH DOANH LĨNH VỰC KHÍ CÔNG NGHIỆP VÀ HÓA CHẤT LIÊN QUAN PHÂN BÓN

Hình thành chuỗi giá trị, tham gia vào mạng lưới sản xuất khí công nghiệp và hóa chất liên quan phân bón bằng việc tận dụng, mở rộng hệ thống dây chuyền công nghệ hiện tại của nhà máy, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên khí tự nhiên. Tạo sự đa dạng sản phẩm nhằm gia tăng giá trị công ty, nâng cao năng lực, mở rộng lĩnh vực hoạt động tạo động lực phát triển công ty trong tương lai.

Mở rộng đầu tư thiết bị công nghệ tại Nhà máy Đạm Cà Mau hiện hữu để thu hồi nguồn khí thải (off-gas) giúp sản xuất khí công nghiệp Argon cung cấp ra thị trường, nâng cao giá trị gia tăng nguồn nguyên liệu khí đầu vào, đa dạng hóa sản phẩm và góp phần nâng công suất sản xuất urea.

Nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án nhà máy sản xuất khí công nghiệp phục vụ cho các nhà máy chế biến nông, thủy, hải sản ở các khu công nghiệp, ưu tiên đầu tư dự án ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Duy trì ổn định sản xuất CO₂ thực phẩm và nghiên cứu, triển khai đầu tư hạng mục thu hồi CO₂ trong dòng khí nguyên liệu (natural gas), nhiên liệu (fuel gas) để gia tăng sản lượng CO₂ thực phẩm cung cấp ra thị trường và hỗ trợ nâng công suất đầu vào Nhà máy Đạm Cà Mau.

Nghiên cứu tận dụng nguồn nguyên liệu có sẵn trong hệ sinh thái sản xuất để tạo ra sản phẩm, vật liệu, hóa chất có giá trị cao hơn, đồng thời gia tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên và mở rộng danh mục sản phẩm chiến lược, nối dài chuỗi sản xuất của PVCFC.

➤ Đánh giá tìm kiếm cơ hội để thí điểm ứng dụng công nghệ sản xuất H₂ xanh vào dây chuyền sản xuất NH₃ hiện hữu cũng như các sản phẩm, hóa chất mới phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng, đáp ứng theo lộ trình giảm phát thải và định hướng phát triển bền vững của PVCFC.

Nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án nhà máy sản xuất CO₂ công nghiệp từ nguồn khói lò (flue gas) của các nhà máy nhiệt điện để phục vụ nhu cầu CO₂ trong công nghiệp và hỗ trợ mục tiêu giảm phát thải của các nhà máy nhiệt điện, mở rộng đáp ứng nhu cầu CO₂ trong nước và đa dạng hóa sản phẩm.

Đẩy mạnh đầu tư dự án sản xuất phân bón SOP (kali sulfat) và phân bón hòa tan để tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh dòng phân bón cao cấp kali sulfat (K₂SO₄ - SOP) nhằm đón đầu xu thế phát triển diện tích cây trồng có giá trị kinh tế cao, nhạy cảm với Clo và chủ động nguồn nguyên liệu SOP phục vụ sản xuất phân bón hòa tan, phân bón NPK hàm lượng clo thấp.

Nghiên cứu đầu tư và phát triển dòng sản phẩm phân bón Urea Amoni Nitrat (UAN) trên nền dây chuyền công nghệ sản xuất hiện tại của Nhà máy Đạm Cà Mau phục vụ đa dạng hóa các dòng sản phẩm phân bón hòa tan.

Nghiên cứu và đánh giá cơ hội đầu tư nhà máy sản xuất methanol từ biomass ở khu vực ĐBSCL để đa dạng hóa sản phẩm theo hướng phát triển xanh và bền vững. Đánh giá cơ hội tham gia chuỗi thu gom, sơ chế phụ phẩm nông sản để cung cấp nguyên liệu biomass cho sản xuất methanol và sản xuất hóa chất/phân bón sinh học khác.

NGHIÊN CỨU CƠ HỘI ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC CHẾ BIẾN SAU THU HOẠCH

Mở rộng tham gia vào chuỗi giá trị nông nghiệp với việc định hướng đầu tư lĩnh vực chế biến sau thu hoạch. Tập trung nghiên cứu, đánh giá, chọn lọc và đầu tư công nghệ chế biến sau thu hoạch hiện đại để bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả nhằm giảm thiểu tổn thất, tăng cường tính cạnh tranh trên thị trường. Xây dựng mô hình sản xuất chế biến nông sản khép kín từ đầu vào tạo vùng trồng, bảo quản, chế biến đến vận chuyển tiêu thụ thành mô hình công nghiệp trong nông nghiệp hiện đại.

Nghiên cứu lựa chọn các mô hình trái cây để thử nghiệm ở quy mô nhỏ và phát triển thành quy mô sản xuất lớn để tham gia sâu vào chế biến nông sản sau thu hoạch mang lại giá trị cho công ty.

Nghiên cứu, đầu tư hình thành vùng trồng, vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp giống, quy trình canh tác đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho chế biến sau thu hoạch.

Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và dịch vụ logistics (hệ thống kho lưu trữ, vận chuyển phân phối) phục vụ chế biến nông sản sau thu hoạch tạo sự liên kết hiệu quả trong công tác sản xuất và phân phối đến khách hàng trong và ngoài nước.

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp Top 3 Việt Nam xuất khẩu trái cây và dược liệu (gồm quả tươi và sản phẩm chế biến) tính theo doanh thu. Doanh thu đạt hơn 20.000 tỷ/năm (từ năm 2030).





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

📍 Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau

☎ (84 - 290) 3.819.000 - Fax: (84 - 290) 3.590.501

🌐 www.pvcfc.com.vn